

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2018/HC-PT

Ngày: 10-4-2018

V/v khiếu kiện hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Minh Hiếu

2. Bà Lê Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 3, 03 tháng 4 và 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 67/2017/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2017 về “Khiếu kiện hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 8 bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 757/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đường Thế V, sinh năm 1943

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quỳnh Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 1865/UBND-NC ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân Quận B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Lê

Diễm Hiền – Phó Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đường Thế S, sinh năm 1974

3.2. Bà Thi A, sinh năm 1946

Cùng địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Trần Văn T

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Đường Thế V – Người khởi kiện.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2012 và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện là ông Đường Thế V trình bày như sau:

Nhà đất tại số đường A, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (đường A) và phần đất kế nhà đất tại số đường A có tổng diện tích là 3.143,10m² thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông. Quá trình sử dụng, ông có cho con là ông Đường Thế H 200m²; bán cho ông Lại Đức Cường 200m²; xây khu nhà trọ 484,83m². Toàn bộ diện tích nhà, đất còn lại của ông đã bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Trương Đình Hội II tại Phường A, Quận B (theo 4 mã số hồ sơ đến bù là 273, 274, 275 và 276), trong đó, tại hồ sơ có mã số 273+275, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 thu hồi toàn bộ diện tích nhà đất tại số đường A và phần đất trống kế nhà đất tại số đường A có diện tích 1.840,40m².

Theo ông V, nội dung của Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B là không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích thực tế bị thu hồi của ông là 2005,27m² nhưng trong Quyết định 3600/QĐ-UBND xác định diện tích và thực hiện bồi thường chỉ 1.840,40m², như vậy diện tích thu hồi và diện tích giải quyết bồi thường cho ông bị thiếu 164,87m², trong đó, xác định thiếu của ông 80,87m² và bồi thường sai cho Trần Văn T 84m². Ông V yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B phải bồi thường thêm cho ông phần diện tích 80,87m² bị thiếu.

- Đền bù sai đối tượng:

+ Khu nhà trọ có diện tích 488,7m² (mã số hồ sơ 276 có diện tích thực tế được xác định là 484,83m²), Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường cho ông Đường Thế S theo Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008: Phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông, tuy trước đây ông có thỏa thuận ủy quyền cho ông Sang nhận tiền đền bù nhưng sau đó ông đã có văn bản đề nghị hủy nội dung ủy quyền và ngăn chặn nhưng Ủy ban nhân dân Quận B không giải quyết mà còn đề ông Sang nhận số tiền đền bù là không đúng. Ông V yêu cầu Ủy ban

nhân dân Quận B phải bồi thường cho ông phần diện tích nêu trên.

+ Đền bù nhằm cho Trần Văn T phần diện tích 84m²: Như trình bày phần trên, phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông, nhưng do Ban bồi thường xác định sai ranh đất giữa ông và Vư nên đã bồi thường nhằm cho Vư. Ông V yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường cho ông phần diện tích nêu trên cho ông.

- Bồi thường không đúng theo đơn giá đối với phần diện tích 561m² thuộc thửa 416 tờ bản đồ số 3: Phần diện tích đất này là đất ở nhưng Ủy ban nhân dân Quận B lại bồi thường theo giá đất nông nghiệp (được xác định theo văn bản số 6221/VPĐK-KT ngày 16/5/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh) là không đúng. Ông V yêu cầu bồi thường cho ông phần chênh lệch về giá đất giữa đất ở và đất nông nghiệp của phần diện tích đất nêu trên.

- Bồi thường không đúng diện tích đất ở thực tế: Phần đất ở có diện tích 200m² được ông sử dụng ổn định, hàng năm đều đóng thuế theo giá đất ở, nhưng Ủy ban nhân dân Quận B lại bồi thường 39,52m² đất theo đơn giá đất nông nghiệp và 160,48m² theo giá đất ở và trong 160,48m² đất ở thì có 77,52 m² Ủy ban nhân dân Quận B lại buộc ông phải đóng thêm thuế với mức 600.000 đồng/m² với tổng số tiền 46.800.000 đồng là không đúng vì phần tiền thuế của 77,52 m² đất này ông đã đóng rồi. Ông V yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B phải hoàn trả cho ông 46.800.000 đồng và phải bồi thường cho V theo đơn giá đất ở đối với phần đất diện tích 39,52m².

- Đối với các yêu cầu: “Bồi thường hoa màu không đúng số lượng cây so với thực tế” và “yêu cầu đối với phần tiền khen thưởng khi tự nguyện tháo dỡ, di dời”, ông V xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận B có người đại diện hợp pháp là ông Lê Quỳnh Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B trình bày như sau: Ủy ban nhân dân Quận B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và các ý kiến của ông Đường Thế V. Các yêu cầu của ông V là không có căn cứ và không phù hợp. Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B được ban hành đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đường Thế V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân Quận B là bà Nguyễn Lê Diễm Hiền trình bày như sau:

- Trong quá trình giải quyết đền bù, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B đã lập bảng chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Đường Thế V, phía ông V cũng thể hiện ý kiến là thống nhất với giá đền bù. Toàn bộ diện tích đất của ông V nằm trong ranh giải tỏa của dự án đã được bồi thường, hỗ trợ đầy đủ theo số liệu đo đạc thực tế và ông V cũng đã nhận đủ toàn bộ số tiền đền bù theo bảng chiết tính nên ông V yêu cầu đền bù bổ sung 80m² đất là không có cơ sở.

- Về ý kiến đền bù sai đối tượng mà ông V trình bày là không có cơ sở:

+ Đền bù khu nhà trọ cho ông Đường Thế S (mã số hồ sơ 276) với diện

tích 488,7m² (diện tích thực tế được bồi thường xác định theo Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B là 484,83m²), ông V cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông V là không đúng. Căn cứ xác minh của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B phần đất trên thuộc thửa 16 và một phần thửa 15 tờ bản đồ 98 (BĐC) P.16, Q.8 theo tài liệu năm 2001 là đất cấp cho hộ ông Đường Thế V, không phải cấp cho cá nhân ông V (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 220/QSĐĐ/3902/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận B cấp ngày 06/11/1998). Ngày 23/5/2008, tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, hộ gia đình ông Đường Thế V, bao gồm: ông Đường Thế V, bà Aminah (vợ ông V), ông Đường Thế H và Đường Thế S (là con ông V) đã thỏa thuận về việc sử dụng và nhận tiền bồi thường đối với một phần đất thuộc hộ Đường Thế V đã được cấp giấy chứng nhận (nội dung thỏa thuận được lập thành biên bản có sự chứng kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A và công chức Tư pháp – Hộ tịch, Địa chính – Xây dựng, cán bộ Văn phòng – Thống kê). Thỏa thuận nêu trên có nội dung là ông Đường Thế S được nhận tiền đền bù đối với hồ sơ bồi thường mã số 276. Do đó, việc Ủy ban nhân dân Quận B giải quyết cho ông Sang nhận tiền bồi thường đối với hồ sơ mã số 276 theo Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B là đúng ý chí và nguyện vọng của hộ gia đình ông Đường Thế V. Đến ngày 25/11/2008, ông V có gửi đơn khiếu nại xin hủy bỏ việc xem xét đền bù cho ông Sang và trình bày ngày 11/6/2008 đã gửi đơn xin hủy tờ cho và biên bản thỏa thuận phân chia tài sản gia đình, nhưng qua kiểm tra hệ thống văn thư lưu trữ, Ban Bồi thường không nhận được đơn xin hủy tờ cho và biên bản thỏa thuận phân chia tài sản gia đình như ông V đã trình bày.

+ Việc đền bù cho Trần Văn T phần đất diện tích 84m², ông V cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông do Ban Bồi thường vẽ sai ranh đất giữa ông V và Vư là không có căn cứ. Qua kiểm tra thực địa không xác định được cụ thể ranh đất, đồng thời trong quá trình yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B giải quyết, ông V cũng không có giấy tờ gì chứng minh nội dung này. Phần diện tích 84m² đất nêu trên thuộc một phần thửa 416 tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) do ông V sử dụng nhưng ranh đất biến động đã nhập vào thuộc một phần thửa 17 tờ bản đồ 97 (theo tài liệu năm 2002) do Vư sử dụng nên Vư được giải quyết cho nhận tiền bồi thường là phù hợp quy định.

- Đối với ý kiến của ông V về việc bồi thường không đúng theo đơn giá của phần đất diện tích 561m². Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B, toàn thửa 416 tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) có diện tích 561m², loại đất có ký hiệu chữ “T”; đối chiếu tài liệu 2002 thuộc một phần thửa 17 tờ 97 (theo bản đồ địa chính thửa đất ngày 06/4/2007 do ông V Cung cấp), một phần thửa 14, 15 tờ 98, một phần hẻm đất; đối chiếu theo hiện trạng thực tế phần nhà đường A là phần đất thuộc phần thửa 416 tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB), một phần thửa 15 tờ 98 theo tài liệu bản đồ 2002. Theo đó, Phần diện tích thuộc hiện trạng là phần nhà do ông V quản lý và sử dụng đã được bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Quận B cũng đã giải quyết bán hỗ trợ thêm 01 suất tái định cư cho hộ gia đình ông V, diện tích 70m² (Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày

28/4/2011). Như vậy quyền lợi của ông V đã được giải quyết kịp thời, đầy đủ nên yêu cầu này của ông V là không có căn cứ.

- Đối với ý kiến “Bồi thường không đúng diện tích đất ở thực tế và yêu cầu hoàn trả số tiền thuế đã nộp là 46.800.000 đồng”, thuế ông V đóng hàng năm là thuế đất phi nông nghiệp và đối với phần diện tích đất xác định để đóng thuế đất phi nông nghiệp hàng năm là do Vự khai và nộp thuế theo diện tích tự khai này. Trong trường hợp tiến hành bồi thường, giải tỏa, sẽ căn cứ trên diện tích đất ở thực tế ông V đang sử dụng để tiến hành bồi thường, diện tích đất ở thực tế ông V đang sử dụng là 160,48m², ông V phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Điểm d.2.2 Khoản 2 Mục II Phần IV của phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

- Đối với yêu cầu “Bồi thường hoa màu không đúng số lượng cây so với thực tế” và “yêu cầu đối với phần tiền khen thưởng khi tự nguyện tháo dỡ, di dời” thì do ông V đã rút lại yêu cầu nên người bị kiện thống nhất đồng ý và không có ý kiến về việc rút các yêu cầu này.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đường Thế V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Thi A, ông Đường Thế S và Trần Văn T vắng mặt nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận 8 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào:

Các Điều 30, 31, 157, 158, 204, 206 và Điều 213 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015.

Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng Hành chính năm 2015

Các Điều 55, 87 Luật đất đai năm 2003.

Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc “Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đường Thế V. Tuyên bố Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng theo quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho ông Đường Thế V giá trị phần diện tích đất bị thiếu là 80,87m².

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho ông Đường Thế V giá trị của 84m² đất (do đền bù sai đối tượng cho Trần Văn T).

Không chấp nhận yêu cầu của ông V đòi phần tiền đền bù cho mã hồ sơ số 276 do ông Đường Thế S đã nhận.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đường Thế V đòi khoản tiền nộp thuế nhà đất 46.800.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đường Thế V đòi bồi thường phần giá đất thổ cư của 39,52m² nhà ở.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đường Thế V đòi bồi thường giá đất thổ cư của diện tích đất 561m² thuộc thửa 416 tờ bản đồ số 3, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đường Thế V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 01022 ngày 21/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, ông V đã nộp đủ án phí.

Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, ông Đường Thế V kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện nội dung vụ án, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017 (Tòa án nhân dân Quận B nhận ngày 05/10/2017), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B có Quyết định số 02/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với lý do:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 về thu hồi đất là của Ủy ban nhân dân Quận B nhưng Quyết định số 3600/QĐ-UBND lại ban hành với tư cách Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là sai thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai năm 2003;

- Về nội dung: Diện tích đất ông V bị thu hồi và nhận bồi thường có sự chênh lệch và chưa thống nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích phần đất này, chưa làm rõ sai sót trong việc đo đạc thực tế để bồi thường, chưa xác định ranh giới đo vẽ giữa các thửa đất căn cứ vào bản vẽ nào, chưa làm rõ chứng cứ nào là cơ sở để giải quyết vụ án mà đã chấp nhận yêu cầu của ông V là buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường giá trị diện tích đất 80,87m² thiếu và 84m² do đền bù sai đối tượng là không có cơ sở vi phạm Điều 95 Luật tố tụng hành chính.

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là ông Đường Thế V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông, với lý do:

+ Phần đất thuộc thửa 416, tờ bản đồ số 3, Phường A, Quận B có diện tích 561m² tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng là đất do Nhà nước quản lý, sử dụng. Tại Văn bản số 621/VPĐK-KT ngày 16/5/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện phần đất trên là đất thổ (ký hiệu chữ “T”) nhưng Ủy ban nhân dân Quận B chỉ bồi thường cho V theo đơn giá đất nông nghiệp là không đúng quy định của pháp luật mà phải bồi thường toàn bộ phần đất này cho V theo đơn giá đất ở.

+ Phần đất ở có diện tích 200m² được ông sử dụng từ trước ngày 18/12/1980 có nộp thuế sử dụng đất hàng năm, nhưng Ủy ban nhân dân Quận B chỉ bồi thường cho ông có 160,48m² theo đơn giá đất ở, trong đó chỉ có 82,96m² không phải nộp tiền sử dụng đất, còn 77,52m² phải nộp 50% tiền sử dụng đất là không đúng quy định tại Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Ông V yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận B hoàn trả lại cho ông 46.800.000 đồng tiền thuế nhà đất hàng năm đối với phần diện tích đất ở 200m² này.

+ Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 bồi thường cho ông Đường Thế S phần đất diện tích 484,83m² thuộc mã số bồi thường là 276 là không đúng vì trước khi Ủy ban nhân dân Quận B ban hành quyết định bồi thường cho ông Sang thì ông đã có ý kiến hủy bỏ việc thỏa thuận giao cho ông Sang được quyền nhận phần tiền đền bù đối với phần đất nêu trên, đồng thời ông cũng đã làm đơn xin hủy bỏ Tờ cho và chuyển quyền sử dụng đất vào ngày 08/3/2007 (có Biên nhận hồ sơ ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận B) nhưng Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường cho ông Sang phần đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B về việc Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B ban hành sai thẩm quyền và rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ về diện tích đất ông V bị thu hồi.

Những phần khác của Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HC ngày 04/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B vẫn giữ nguyên.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận B có ông Lê Quỳnh Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là người đại diện hợp pháp vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận B là bà Nguyễn Lê Diễm H trình bày:

+ Đối với kháng cáo của ông V về đền bù khu nhà trọ cho ông Đường Thế S (mã số hồ sơ 276) với diện tích 488,7m²: Ngày 23/5/2008, tại Ủy ban nhân dân Phường A Quận B, hộ gia đình ông Đường Thế V, bao gồm: ông Đường Thế V, bà Aminah (vợ ông V), ông Đường Thế H và Đường Thế S (là con ông V) đã thỏa thuận để ông Đường Thế S được nhận tiền đền bù đối với hồ sơ bồi thường mã số 276 (nội dung thỏa thuận được lập thành biên bản có sự chứng kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A và công chức Tư pháp – Hộ tịch, Địa chính – Xây dựng, cán bộ Văn phòng – Thống kê). Do đó, việc Ủy ban nhân dân Quận B giải quyết cho ông Sang nhận tiền bồi thường đối với hồ sơ mã số 276 là đúng ý chí và nguyện vọng của hộ gia đình ông Đường Thế V. Ngày 25/11/2008 ông V có gửi đơn khiếu nại xin hủy bỏ việc xem xét đền bù cho ông Sang và trình bày ngày 11/6/2008 đã gửi đơn xin hủy tờ cho và biên bản thỏa thuận phân chia tài sản gia đình, tuy nhiên qua kiểm tra hệ thống văn thư lưu trữ, Ban Bồi thường không nhận được đơn xin hủy tờ cho và biên bản thỏa thuận phân chia tài sản gia đình như ông V đã trình bày nên việc giải quyết cho ông Sang nhận tiền đền bù là đúng quy định.

+ Đối với kháng cáo của ông V về việc bồi thường không đúng theo đơn giá của phần đất diện tích 561m²: Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B, toàn thửa 416 tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) có diện tích 561m², loại đất “T”; đối chiếu tài liệu 2002 thuộc một phần thửa 17 tờ 97 (theo bản đồ địa chính thửa đất ngày 06/4/2007 do ông V Cung cấp), một phần thửa 14, 15 tờ 98, một phần hẻm đất; đối chiếu theo hiện trạng thực tế thì toàn bộ nhà số đường A Phường A, Quận B nằm trên phần đất thuộc thửa 416 tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) nên Ủy ban nhân dân Quận B đã bồi thường cho ông V 01 lần hạn mức đất ở có diện tích 160,48m², trong phần đất ở này có 82,96m² là đất có nhà ông V đã được cấp giấy phép hợp thức hóa nên ông V không phải nộp tiền sử dụng cho phần đất ở này, phần đất ở còn lại có diện tích 77,52m² do ông V chưa được công nhận nên ông V phải nộp tiền sử dụng đất = 50% là đúng quy định của pháp luật. Việc ông V yêu cầu phải hoàn trả số tiền thuế đã nộp là 46.800.000 đồng là không đúng vì thuế ông V nộp hàng năm là thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, còn đối với phần đất ở diện tích 77,52m² thì ông V phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính cho phần đất này (nộp tiền sử dụng đất) theo quy định tại Điểm d.2.2 Khoản 2 Mục II Phần IV của Phương án.

Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đường Thế S, bà Thi A và Trần Văn T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo

quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung:

Kháng cáo của ông V về việc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường cho ông Sang theo mã số hồ sơ số 276 khVhuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này do ông V chỉ khởi kiện Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008.

Kháng cáo của ông V về phần đất có diện tích 561m² thuộc thửa 416: Phần đất ông V bị thu hồi là đất nông nghiệp, trong phần đất này có nhà ở được sử dụng trước ngày 18/11/1980 nên Ủy ban nhân dân Quận B công nhận cho ông V một lần hạn mức đất ở là có căn cứ nhưng lại buộc ông V chịu nghĩa vụ tài chính của phần đất ở có diện tích 77,52m² là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, phần đất ông V bị thu hồi là đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư nhưng Ủy ban nhân dân Quận B không xét hỗ trợ cho ông V 20% đơn giá đất ở theo quy định tại điểm a Mục I Phần V Phương án số 3911/PA-UBND-HĐ ngày 26/6/2006 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tái định cư Trường Đình Hội II là không bảo đảm quyền lợi của ông V nên cần phải sửa lại phần này của bản án sơ thẩm

Từ lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B và một phần kháng cáo của ông V, hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B để Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường lại cho ông V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận B có ông Lê Quỳnh Đ – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là người đại diện hợp pháp vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đường Thế S, bà Thi A và Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân Quận B, ông Đường Thế S, bà Thi A và Trần Văn T.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân Quận B ban hành. Ngày 28/7/2008, ông V có đơn khiếu nại đối với quyết định nêu trên nhưng khiếu nại không được giải quyết. Ngày 19/6/2012, ông V đã có đơn khởi kiện đối với quyết định nêu trên. Như vậy, đơn

khởi kiện của ông V là còn thời hiệu, Tòa án nhân dân Quận B thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016, xác định Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 là quyết định hành chính bị kiện và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về kháng cáo của ông Đường Thế V yêu cầu hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B đối với thẩm quyền ban hành Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008:

Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định là quyết định thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận - huyện, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân Quận B đã có Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về việc đình chính thẩm quyền ban hành Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút kháng nghị đối với phần này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B về vị trí và diện tích phần đất mà ông V bị thu hồi và phần đất Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường thiếu cho ông V:

Như trên đã nêu, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B kháng nghị bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ đối diện tích phần đất ông V bị thu hồi mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định có diện tích 2005,27m² và Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường thiếu cho ông V 164,87m² (trong đó bồi thường nhầm cho Vur là 84m²). Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút lại phần kháng nghị này vì cho rằng phần này ông V và Ủy ban nhân dân Quận B đều không kháng cáo và đều xác nhận hiện nay Dự án khu nhà ở tái định cư Trường Đình Hội II đã được thực hiện nên việc áp ranh khVhể thực hiện vì đất không có mốc giới, đồng thời tại Văn bản số 155/DDBĐ ngày 09/02/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho biết: “Hiện nay tại khu đất nêu trên đã giải tỏa không còn ranh giới, mốc ranh và hiện trạng bên trên, đồng thời 02 bản vẽ hiện trạng do CVy TNHH Dịch vụ xây dựng – Đo

đạc bản đồ C.T.M (phục vụ điều tra giải tỏa để xây dựng khu tái định cư tại khu đất nêu trên) không có các tọa độ góc ranh hoặc file bản vẽ kèm theo. Do đó Trung tâm không đủ cơ sở để thực hiện theo nội dung yêu cầu của quý Tòa”, nên việc kháng nghị đối với phần này là không cần thiết.

Như vậy phần này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về kháng cáo của ông V yêu cầu hủy việc bồi thường cho ông Đường Thế S theo mã số hồ sơ bồi thường 276 tại Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B:

Nhận thấy, Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B không phải là đối tượng bị khởi kiện trong vụ án này (ông V chỉ khởi kiện Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008) nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và hướng dẫn ông V khởi kiện bằng một vụ án khác nếu ông V không đồng ý với Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 hay có tranh chấp số tiền đền bù theo Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 là đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông V đối với phần này là không có cơ sở.

[6] Kháng cáo của ông V yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất ở đối với phần đất thuộc thửa 416 có diện tích 561m² và yêu cầu hoàn tiền thuế sử dụng đất mà ông V đã nộp là 46.800.000 đồng đối với phần đất này:

Căn cứ vào Văn bản số 6221/VPĐK-KT ngày 16/5/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh thì phần thửa 416 diện tích 561m² là đất ký hiệu mục đích sử dụng đất là chữ “T” được ông V sử dụng từ trước năm 1975. Trên đất có nhà ở diện tích 160,48m² (trong đó có 82,96m² được cấp quyền sở hữu theo Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà ngày 18/8/1993) và được ông V sử dụng từ trước năm 1975. Như vậy, theo quy định tại Khoản 5 Điều 87 Luật đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân Quận B xác định phần đất thuộc thửa 416 là đất nông nghiệp trên đất có nhà ở nên công nhận cho ông V được hưởng một lần hạn mức đất ở có diện tích 160,48m² là có căn cứ. Kháng cáo của ông V yêu cầu phải bồi thường toàn bộ 561m² là đất ở là không có cơ sở.

Ngoài ra, ông V cho rằng hàng năm ông đã nộp thuế sử dụng đất đối với phần đất ở diện tích 200m² là đã thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất), nhưng Ủy ban nhân dân Quận B lại bắt ông nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất ở 77,52m² là không đúng nên Ủy ban nhân dân Quận B phải có trách nhiệm hoàn lại cho Viện thuế sử dụng đất mà ông đã nộp là 46.800.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận vì thuế sử dụng đất nộp hàng năm và nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất) là khác nhau.

Tuy nhiên, trong một lần hạn mức đất ở mà ông V được công nhận nêu trên (160,48m²), Ủy ban nhân dân Quận B lại buộc ông V phải chịu nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất) đối với phần đất ở có diện tích 77,52m² (ngoài phần đất ở của căn nhà được công nhận) là không đúng quy định pháp luật vì toàn bộ phần đất nêu trên được ông V sử dụng từ trước năm 1975 nên toàn bộ phần diện

tích đất ở $160,48\text{m}^2$ trong hạn mức, ông V không phải chịu nghĩa vụ tài chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của ông V là không đúng quy định của pháp luật.

[7] Ngoài ra, phần đất ông V bị thu hồi là đất nông nghiệp trong khu vực Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên có căn cứ xác định đây là đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Khoản 3 Điều 10 quy định kèm theo Quyết định 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và điểm a Mục I Phần V Phương án số 3911/PA-UBND-HĐ ngày 26/6/2006 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tái định cư Trường Đình Hội II thì ngoài phần đất ở có diện tích $160,48\text{m}^2$ mà ông Viên được công nhận, Ủy ban nhân dân Quận B phải hỗ trợ cho ông V đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư tập trung đối với phần diện tích đất nông nghiệp là $2005,27\text{m}^2 - 160,48\text{m}^2 = 1844,79\text{m}^2$ bằng 20% đơn giá đất ở, nhưng Ủy ban nhân dân Quận B không áp dụng các quy định nêu trên để hỗ trợ cho ông V là không bảo đảm quyền lợi của ông V. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét quyền lợi này của ông V là có thiếu sót.

[8] Về bồi thường cây trồng hoa màu và khen thưởng khi tự nguyện tháo dỡ, di dời:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V đã rút lại yêu cầu và Ủy ban nhân dân Quận B không có ý kiến về việc rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[9] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông V về việc hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B với các lý do đã nêu.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tuy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B là đúng, nhưng bản án sơ thẩm đã quyết định một số yêu cầu của ông V không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B có một phần không đúng quy định của pháp luật phải bị hủy nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu án phí hành chính là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh

số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[12] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 225, Điều 238, khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Khoản 5 Điều 87 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 156/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 10 quy định kèm theo Quyết định 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

I. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đường Thế V:

- Hủy Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với ông Đường Thế V.

- Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Đường Thế V

theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Ông Đường Thế V không phải nộp. Hoàn lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 01022 ngày 21/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đường Thế V không phải nộp. Hoàn lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông V đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013364 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Thoa